

Số: 338/TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 17 tháng 5 năm 2018

THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày
(Từ ngày 10 – 16/5/2018)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 27,5 – 28,7°C; Cao nhất: 36,1 °C; Thấp nhất: 23°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 77 – 82%; Thấp nhất: 45%.
- Tổng số giờ nắng: 65 – 77 giờ.
- Lượng mưa: 4 – 182 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng, có nơi nắng nóng, mưa rải rác đến nhiều nơi, tập trung vào nửa cuối tuần, có nơi mưa vừa, mưa to.

Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây lúa: Vụ Hè Thu: Xuống giống 2.427 ha/22.185 ha, đạt 10,9% DTKH. Lúa đang ở giai đoạn: xuống giống, mạ (1.835 ha), đẻ nhánh (592 ha).

Các giống chủ yếu OM6976, OM7347, OM6162, OM4900, OM5451, ML214, ML202, IR50404, MTL110...

Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Cây con	1.217/20.068
Rau các loại	Các giai đoạn	4.291
Đậu các loại	Các giai đoạn	1.440
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Ra hoa, đậu trái	10.950
Xoài	Nuôi trái, thu hoạch	11.534
Chuối	Các giai đoạn	7.306
Sầu riêng	Bông, trái, thu hoạch	4.051
Tiêu	Các giai đoạn	17.087
Điều	Nuôi trái, thu hoạch	38.888
Cao su (tiểu điền)	Các giai đoạn	14.568
Cà phê	Nuôi trái	17.172

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. Trên cây lúa: Lúa vụ Hè Thu giai đoạn xuống giống, mạ, đẻ nhánh. SVH chủ yếu: Ốc bươu vàng DTN 219 ha tăng 92 ha, bọ trĩ DTN 30 ha giảm 8 ha, rầy nâu DTN 16 ha giảm 52 ha, các SVH khác không đáng kể.

2. Cây trồng khác

- Cây bắp: Giai đoạn cây con, SVH chủ yếu sâu xám DTN 24 ha tăng 1 ha.
- Rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.
- Cây ăn quả: Tình hình thời tiết ngày nắng nóng, chiều tối có mưa, tạo điều kiện cho một số SVH phát triển.

+ Cây có múi: SVH có xu hướng tăng. Sâu vẽ bùa DTN 279 tăng 102 ha, bệnh cháy gôm DTN 34 ha tăng 14 ha.

+ Xoài: Sâu đục cành DTN 48 ha tăng 5 ha, bệnh thán thư DTN 41 ha tăng 12 ha.

+ Sầu riêng: Bệnh xì mù DTN 394 ha tăng 7 ha, bệnh cháy lá chết đọt DTN 312 ha tăng 4 ha.

+ Chuối: Bệnh đốm lá vi khuẩn DTN 95 ha tăng 4 ha.

+ Thanh long: Bệnh đốm nâu DTN 85 ha, có 3 ha nhiễm nặng.

- Cây công nghiệp:

+ Cây tiêu: Bệnh thán thư DTN 939 ha giảm 28 ha, bệnh chết chậm DTN 859 ha, có 4 ha nhiễm nặng, bệnh tuyến trùng DTN 510 ha tăng 3 ha, có 4 ha nhiễm nặng.

+ Cây điều: Nông dân chủ động phòng trừ hiệu quả, SVH giảm mạnh: bệnh thán thư DTN 422 ha giảm 205 ha, bọ xít muỗi DTN 243 ha giảm 19 ha.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Ốc bươu vàng, bọ trĩ, rầy nâu, VL – LXL, và các SVH khác.

- Cây bắp: Chú ý sâu xám, rệp ngô.

- Cây rau: Sâu tơ, bọ nhảy, bọ trĩ, dòi đục lá, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.

- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh cháy lá chết đọt, bệnh nấm hồng (sầu riêng); sâu vẽ bùa, bệnh cháy gôm (cây có múi); bệnh thán thư, bọ trĩ, ruồi đục quả (xoài).

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bọ xít muỗi, bệnh thán thư, bọ trĩ (điều); bệnh phấn trắng, nấm hồng (cao su); bệnh khảm lá (mì).

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Theo dõi bầy đùn ở địa phương; tình hình thủy văn để xuống giống tập trung, né rầy đối với lúa Hè thu 2018.

- Cây lâu năm: Chú ý bón phân cân đối, theo dõi diễn biến các SVH, phun thuốc phòng chống khi cần thiết.

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Trần Thị Tú Oanh

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 10/5 đến ngày 16/5/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước	Số CKNT	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Các giai đoạn	3 - 10		278	1	0	279	0	102.0	168.0	144	Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu, TX Long Khánh, Long Thành, Trảng Bom
	Bệnh cháy gôm	Các giai đoạn	5		34	0	0	34	0	14.0	34.0	8	Định Quán, Tân Phú, Trảng Bom
Chôm chôm	Rệp sáp	ra bông-nuôi trái	5 - 13		146	0	0	146	0	-14.0	34.0	60	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh
	Bệnh cháy mép lá	Các giai đoạn	10 - 15		119	2	0	121	0	2.0	-58.0	28	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10 - 15		88	7	0	95	0	4.0	-76.0	30	Trảng Bom, Thống Nhất
	Tuyến trùng rễ	Các giai đoạn	10		33	0	0	33	0	0.0	28.0	30	Thống Nhất
	Bệnh héo rũ Panama	Các giai đoạn	10		32	0	0	32	0	0.0	-89.0	30	Thống Nhất
Nhãn	Bệnh chồi rồng nhãn	Ra bông-trái non	7		35	0	0	35	0	0.0	7.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gôm	Các giai đoạn	5 - 10		394	0	0	394	0	7.0	267.0	155	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Tân Phú, Thống Nhất, Định Quán
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	5 - 10		312	0	0	312	0	4.0	204.0	93	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15		148	0	0	148	0	-2.0	131.0	52	Cẩm Mỹ, Tân Phú
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	10	20	63	19	3	85	0	0.0	28.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc
Xoài	Sâu đục cành	Chăm sóc	5		48	0	0	48	0	5.0	24.0	0	Định Quán
	Bệnh thán thư	Nuôi trái-TH	5		41	0	0	41	0	12.0	41.0	0	Định Quán

Ca cao	Bọ xít muỗi	Các giai đoạn	10 - 15		37	0	0	37	0	-1.0	11.0	35	Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh cháy lá	Các giai đoạn	3		19	0	0	19	0	0.0	12.0	17	Thống Nhất
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	10 - 20		631	14	0	645	0	-20.0	215.0	49	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Tân Phú, Thống Nhất
	Rệp sáp	Các giai đoạn	13 - 15		524	3	0	527	0	-80.0	79.0	114	Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, Cầm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15		361	4	0	365	0	2.0	194.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
Cao su	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13		400	2	0	402	0	4.0	9.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	10 - 20		255	1	0	256	0	-4.0	214.0	146	Tân Phú, Cầm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
Điều	Bệnh thán thư	Trái-thu hoạch	5 - 25	25	354	68	0	422	0	-205.0	286.0	40	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Thống Nhất, Long Thành
	Bọ xít muỗi	Trái-thu hoạch	10 - 15	20	231	12	0	243	0	-19.0	159.0	40	Cầm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
	Sâu đục thân, cành	Trái-thu hoạch	8 - 10		207	2	0	209	0	-3.0	53.0	28	Cầm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
	Bọ trĩ	Trái-thu hoạch	5 - 10		163	0	0	163	0	-40.0	135.0	12	Cầm Mỹ, Thống Nhất
Hồ tiêu	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 7		892	47	0	939	0	-28.0	129.0	29	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Xuân Lộc, Long Thành, Thống Nhất, Tân Phú
	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 10	15	691	164	4	859	0	-1.0	279.0	77	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất, Định Quán
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 10	15 - 22	622	23	1	646	0	11.0	414.0	23	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Định Quán, Tân Phú, Thống Nhất, TX Long Khánh
	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 10	22	462	44	4	510	0	3.0	-380.0	80	Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
Mía	Bệnh rỉ sắt	Các giai đoạn	15		3	0	0	3	0	0.0	-2.0	0	Trảng Bom
Sắn (Mì)	Bệnh vi khuẩn	Các giai đoạn	5		4	0	0	4	0	0.0	4.0	0	Trảng Bom
Keo	Bệnh chết héo	Các giai đoạn	1		2	0	0	2	0	0.0	2.0	0	Nhơn Trạch

Ngô (Bắp)	Sâu xám	Cây con	5		24	0	0	24	0	1.0	21.0	22	Tân Phú, Thống Nhất
	Rệp ngô	Các giai đoạn			6	0	0	6	0	1.0	6.0	4	Thống Nhất
Lúa	Ốc brou vàng	Mạ-đẻ nhánh	1 - 3	5	208	9	0	219	0	92.0	30.0	234	Tân Phú, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu
	Bọ trĩ (bù lạch)	Mạ-đẻ nhánh	10		77	0	0	77	0	30.0	-8.0	75	Tân Phú, Thống Nhất
	Bệnh đạo ôn lá	Mạ-đẻ nhánh	10		52	0	0	52	0	49.0	-18.0	52	Tân Phú, Thống Nhất
	Rầy nâu	Mạ-đẻ nhánh			14	0	0	16	0	0.0	-52.0	14	Thống Nhất
Bầu bí	Bọ dừa	Các giai đoạn			3	0	0	3	0	0.0	3.0	2	Thống Nhất
	Bọ phấn	Các giai đoạn			3	0	0	3	0	0.0	3.0	3	Thống Nhất
	Ruồi đục quả	Thu hoạch	8	20	2	1	0	3	0	-3.0	-5.0	2	Nhơn Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	5 - 10	25	10	3	0	13	0	-1.0	13.0	4	Trảng Bom, Nhơn Trạch
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 8	18	6	2	0	8	0	0.0	3.5	6	Nhơn Trạch, Trảng Bom, Long Thành
	Bọ trĩ	Các giai đoạn	30	60	5	1	0	6	0	0.0	4.0	6	Nhơn Trạch, Thống Nhất
	Ruồi đục lá	Các giai đoạn	5		4	0	0	4	0	4.0	4.0	2	Long Thành
Mướp đắng (khô qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		11	2	0	13	0	-1.0	-3.0	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Trái-thu hoạch	5 - 10	20	7	2	0	9	0	3.0	-1.5	6	Nhơn Trạch, Long Thành, Trảng Bom
Rau cải ăn lá	Bọ nhảy	Các giai đoạn	10		22	0	0	22	0	3.0	6.0	25	Tân Phú, Thống Nhất, Trảng Bom, Vĩnh Cửu
	Sâu xanh bướm trắng	Các giai đoạn	5	10	8	0	0	8	0	3.0	8.0	10	Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch
	Sâu tơ	Các giai đoạn	7 - 10		7	0	0	7	0	2.0	-7.0	13	Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán
	Ruồi đục lá	Các giai đoạn	10	14	6	0	0	6	0	0.0	-2.0	3	Thống Nhất, Nhơn Trạch
	Bệnh héo xanh	Các giai đoạn	3		5	0	0	5	0	2.0	5.0	5	Tân Phú
Rau cần nước	Sâu xanh	Các giai đoạn			7	0	0	7	0	0.0	7.0	7	Thống Nhất
	Bệnh đỏ lá	Các giai đoạn			5	0	0	5	0	0.0	5.0	5	Thống Nhất
Rau muống	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		2.5	0.5	0	3	0	0.0	3.0	0	Trảng Bom
	Sâu xanh	Các giai đoạn	5		2	0	0	2	0	0.0	2.0	0	Trảng Bom